

**NGUYET QUANG BO TAT KINH**

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tánh Trần Tiễn Khanh & Nguyễn Hiền Trần Tiễn Huyền Phiên Âm.

Phật Tử Bùi Đức Huệ dịch tiếng Việt 9/2010.

=====

# Taisho Tripitaka Vol. 3, No. 166 月光菩薩經

# Taisho Tripitaka Vol. 3, No. 166 Nguyệt Quang Bồ Tát Kinh

No. 166 (No. 153(5))

佛說月光菩薩經

Phật thuyết Nguyệt-quang Bồ-tát Kinh.

**Kinh Phật nói về Nguyệt Quang Bồ Tát.**

西天譯經三藏朝散大夫試鴻臚少卿明教大師臣法賢奉詔譯

Tây Thiên dịch Kinh Tam Tạng Triều Tán Đại phu thí hồng lư thiếu khanh Minh giáo  
Đại sư Thần Pháp hiền phụng chiếu dịch

如是我聞： 一時佛在王舍城竹林精舍。

Như thị Ngã văn : Nhất thời Phật tại Vương-Xá thành Trúc Lâm tinh xá.

**Tôi nghe như thế. Thời đó Phật ở tịnh xá Trúc Lâm thành Vương Xá.**

與大苾芻眾，而為說法。時舍利弗，大目乾連。

Dữ Đại Bí-sô chúng nhi vì thuyết Pháp. Thời Xá-lợi-phất, Đại Mục-kiền-liên.

**Cùng với các Đại Bí Sô mà vì nói Pháp. Lúc đó Xá Lợi Phất, Đại Mục Kiền Liên.**

前詣佛所，五體投地，禮佛足已。白佛言：世尊！

Tiền nghê Phật sở ngữ thể đầu địa lễ Phật túc dĩ. Bạch Phật ngôn : Thế Tôn !

**Ở phía trước tới nơi Phật ở, phục đất đỉnh lễ Phật xong. Bạch Phật nói rằng : Thế Tôn !**

我等今者，不忍見佛入於圓寂，而於此時 先入滅度。

Ngã đẳng kim giả, bất nhẫn kiến Phật nhập ư Viên-tịch, nhi ư thử thời tiên nhập Diệt-độ.

**Chúng con ngày nay, không nhẫn nhìn thấy Phật nhập vào Niết Bàn, mà tới thời gian này nhập vào Niết Bàn trước.**

爾時眾中有一苾芻，合掌向佛，而作是言：

Nhĩ thời Chúng trung hữu nhất Bí-sô, hợp chưởng hướng Phật nhi tác thị ngôn :

**Khi đó có một Bí Sô ở trong Chúng, chắp tay hướng về Phật mà làm lời nói rằng :**

世尊！舍利弗，大目乾連，有何因緣？

Thế Tôn ! Xá-lợi-phất, Đại Mục-kiền-liên, hữu hà Nhân-duyên ?

**Thế Tôn ! Xá Lợi Phất, Đại Mục Kiền Liên, có Nhân duyên gì ?**

今於佛前，先欲入滅。唯願世尊為解眾疑。

Kim ư Phật tiền, tiên dục Nhập-diệt. Duy nguyện Thế Tôn vì giải chúng nghi.

Nay ở trước Phật muốn nhập vào Niết Bàn trước. Mong nguyện Thế Tôn vì giải thích nghi hoặc của chúng sinh.

爾時世尊告苾芻言：汝今諦聽！吾為汝說。

Nhĩ thời Thế Tôn cáo Bí-sô ngôn : Nhữ kim đế thính ! Ngô vì Nhữ thuyết.

Khi đó Thế Tôn bảo các Bí Sô nói rằng : Ngài nay nghe Tuệ ! Ta vì Ngài nói.

舍利弗，大目乾連：貪瞋癡等諸漏斷盡，所作已辦。

Xá-lợi-phất, Đại Mục-kiền-liên : Tham sân si đặng chur lậu đoạn tận, sở tác dĩ biện.

Xá Lợi Phất, Đại Mục Kiền Liên : Các Tham lam Thù hận Ngu tối cùng với các Phiền não đã hết tận, việc cần làm đã làm xong.

梵行已立，不受後有，非唯今日先欲入滅。

Phạm-hạnh dĩ lập bất thụ hậu hữu, phi duy kim nhật tiên dục nhập diệt.

Phạm hạnh đã tạo lập xong, Có về sau không nhận, không phải ngày nay muốn nhập Niết Bàn trước.

於過去世，北印度內，有一大城，名曰賢石。

Ư Quá-khứ thế Bắc Ấn-Độ nội, hữu nhất đại thành. Danh viết Hiền-thạch.

Ở thời Quá khứ bên trong phía Bắc Ấn Độ, có một thành lớn. Tên là Hiền Thạch.

長十二由旬，廣闊亦爾。彼有國王。

Trường thập nhị Do-tuần, quảng khoáng diệc nhĩ. Bĩ hữu Quốc-vương.

Dài 240 km, chiều rộng khoảng chừng cũng như thế. Ở đó có một Quốc Vương.

名為月光，壽四萬歲，有天眼，宿命。

Danh vi Nguyệt-quang, thọ tứ vạn tuế. Hữu Thiên-nhãn Túc-mệnh thông.

Tên là Nguyệt Quang Thiên Tử, thọ mệnh 4 vạn tuổi. Có Thiên nhãn thông hiểu mệnh Kiếp trước.

身色端嚴諸相具足，光明照耀如天滿月。

Thân sắc đoan nghiêm chur tướng cụ túc, Quang-minh chiếu diệu như Thiên mãn Nguyệt.

Thân sắc đoan nghiêm các hình tướng đầy đủ, Quang minh chiếu sáng tỏ như mặt Trời mặt Trăng rằm.

所往之處，不假燈燭日月之明，故號月光。

Sở vãng chi xứ bất giả đặng chực Nhật Nguyệt chi minh. Cố hiệu Nguyệt-quang.

Nơi được vãng tới không cần đèn nến sáng như mặt Trời mặt Trăng. Vì thế có tên là Nguyệt Quang.

統領四洲六萬八千國土。時世豐熟，人民安穩。

Thống lĩnh tứ Châu lục vạn bát thiên Quốc thổ. Thời thế phong thực, nhân dân an ổn.

Thống lĩnh 4 Châu 6 vạn 8 nghìn Đất nước. Thời thế giàu có thuận thực, nhân dân yên ổn  
金銀珍寶，飲食衣服，象馬車乘，悉皆盈滿。

Kim ngân trân bảo ẩm thực y phục, tượng mã xa thừa, tất giai doanh mãn.

Vàng bạc châu báu, đồ ăn uống quần áo, voi ngựa xe quý, tất cả đều dư thừa.

於城四門，皆有樓閣，戶牖軒窗，俱用眾寶而為嚴飾。

Ư thành tứ môn giai hữu lâu các. Hộ dữ hiên song câu dụng chúng bảo nhi vi nghiêm sức.  
Bốn cửa trong thành đều có lầu gác. Cửa sổ lan can đều sử dụng các vật báu mà trang sức đoan nghiêm.

街巷道陌，掃灑清淨，豎立幢幡寶蓋，真珠瓔珞。

Nhai hạng đạo mạch tảo sái Thanh tịnh, thụ lập tràng phan bảo cái, trân châu anh lạc.

Phổ ngõ đường nương tưới rửa Thanh tịnh, ngang dọc cờ phan lọng báu, trân châu chuỗi ngọc.  
復有沈香，栴香，栴檀之香。微風時起，吹其香氣。

Phục hữu trầm hương, mật hương, Chiên-đàn chi hương. Vi phong thời khởi, xuy kỳ hương khí.  
Lại có Trầm hương, bột hương, hương Chiên Đàn. Khi gió nhẹ thổi, bay ra các khí hương đó.

周徧國城，車馬行人，不聞穢氣。

Châu徧 Quốc thành, xa mã hành nhân, bất văn uế khí.

Biển tỏa ra khắp thành Đất nước, xe ngựa người đi bộ, không người thấy mùi ô uế.

處處復有花果樹木，多摩羅樹，迦尼迦囉樹，無優樹。

Xứ xứ phục hữu hoa quả thụ mộc, Đa-ma-la thụ, Ca-ni-ca-la thụ, Vô-tru thụ.

Nơi nơi lại có cây lớn hoa quả, cây Đa ma La, cây Ca ni La, cây Vô ưu.

貝多樹，娑羅樹，帝羅迦樹，龍花樹，末俱羅樹。

Bối-đa thụ, Sa-la thụ, Đế-la-ca thụ, Long-hoa thụ, Mạt-câu-la thụ.

Cây Bối đa, cây Sa la, cây Đế ca La, cây Long hoa, cây Mạt câu La.

阿底目伽樹，播吒羅樹，繁鬱茂盛。

A-đề mục-già thụ, Bá-tra-la thụ, phồn uất mậu thịnh.

Cây A đề Mục già, cây Bá tra La, dày đặc tươi tốt.

鸚鵡，舍利，迦陵頻伽，俱計羅鳥等。

Anh-vũ, Xá-lợi, Ca-lăng-tần-già, Câu-kế-la điều đặng.

Các loại chim Anh vũ, Cờ trắng, Ca lăng Tần già, Câu kế La.

於諸樹間，作微妙音。於城內外，流泉浴池。

Ư chư thụ gian tác vi diệu âm. Ư thành nội ngoại lưu tuyền dục trì.

Ở giữa các cây hót âm vi diệu. Suối giếng ao đầm ở trong nội ngoại thành.

常出好花，優鉢羅花，俱母那花，奔吒利迦花等。

Thường xuất hảo hoa, Ưu-bát-la hoa, Câu-mẫu-na hoa, Bôn-tra -lợi-ca hoa đặng.

Thường xuất ra hoa quý, các loại hoa Ưu bát La, hoa Câu mẫu Na, hoa Bôn tra lợi Ca.

如是富貴，種種莊嚴。佛告苾芻：

Như thị phú quý chủng chủng trang nghiêm. Phật cáo Bí-sô：

Phú quý như thế đủ loại trang nghiêm. Phật bảo Bí Sô：

爾時月光天子於市肆街巷及城四門。堆聚金銀珍寶，象馬車乘。

Nhĩ thời Nguyệt-quang Thiên-tử, ư thị tứ nhai hạng cập thành tứ môn. Đồi tụ kim ngân trân bảo, tượng mã xa thừa.

Khi đó Nguyệt Quang Thiên Tử ở nơi đường phố thị tứ cùng với 4 cửa thành. Chắt đồng vàng bạc châu báu, voi ngựa xe báu.

飲食衣服，臥具醫藥，種種莊嚴之物。即擊金鼓，告令眾人：

Âm thực y phục, ngọc cụ y dược, chủng chủng trang nghiêm chi vật. Tức kích kim cổ, cáo linh chúng nhân :

Đồ ăn uống quần áo, đồ nằm thuốc uống, đủ loại các vật trang nghiêm. Tức thời đánh trống vàng, bảo khắp mọi người.

月光天子以種種財物，普施一切。隨意所須，求者相給。

Nguyệt-quang Thiên-tử dĩ chủng chủng tài vật, phổ Thí nhất thiết. Tùy ý sở tu cầu giả tương cấp.

Nguyệt Quang Thiên Tử đem các loại tài vật, Bồ thí rộng khắp tất cả. Tùy theo người có nhu cầu cùng cấp cho.

爾時南瞻部洲，一切眾生，皆至王城，

Nhĩ thời Nam-thiệm-bộ châu, nhất thiết chúng sinh, giai chí Vương thành.

Khi đó châu Nam Thiệm Bộ, tất cả chúng sinh đều tới thành của Vương.

求其所施，無不豐足，得大富貴，無一貧乏及徒行者。

Cầu kỳ sở Thí, vô bất phong túc, đắc đại phú quý, vô nhất bần phạp cập đồ hành giả.

Cầu được Bồ thí đó, đều đầy đủ tất cả, được phú quý lớn, không một ai nghèo đói cùng với người đi đường.

爾時月光天子，復自思惟：

Nhĩ thời Nguyệt-quang Thiên-tử, phục tự tư duy :

Khi đó Nguyệt Quang Thiên Tử lại tự suy nghĩ là :

雖諸眾生無有貧乏，對我所用猶未齊等。

Tuy chư chúng sinh vô hữu bần phạp, đối Ngã sở dụng do vị tề đẳng.

Tuy các chúng sinh không còn nghèo đói, so đối với bản thân ta được sử dụng còn chưa được bằng như nhau.

復以細妙衣服，最上珍寶，頭冠瓔珞，臥具飲食等。

Phục dĩ tế diệu y phục, tối thượng trân bảo, đầu quan anh lạc, ngọc cụ ẩm thực đẳng.

Lại dùng quần áo vi diệu, châu báu thượng hạng, mũ đội đầu chuỗi ngọc, đồ nằm ngủ đồ ăn uống.

施諸眾生，富貴莊嚴，皆如月光天子身。

Thí chư chúng sinh, phú quý trang nghiêm, giai như Nguyệt-quang Thiên-tử thân.

Bồ thí cho các chúng sinh, phú quý trang nghiêm, đều như thân của Nguyệt Quang Thiên Tử.

城邑宮殿，樓閣園林，種種嚴飾，如忉利天。

Thành ấp cung điện, lầu các viên lâm, chủng chủng nghiêm sức, như Đao-Lợi Thiên.

Thành ấp cung điện, lầu gác vườn rừng, đủ loại trang sức đoan nghiêm, như Trời Đao Lợi.

有七十二百千那由他人，常止此城。

Hữu thất thập nhị bách thiên Na-do-tha nhân, thường chỉ thử thành.

Có 72 trăm nghìn rất nhiều người, thường dừng ở thành này.

有二千五百大臣，有二輔相：一名大月、二名持地。

Hữu nhị thiên ngũ bách đại thần, hữu nhị phụ tướng : Nhất danh Đại-nguyệt, nhị danh Trì-địa.

Có 2 nghìn 5 trăm đại thần, có hai phụ tướng : Một tên là Đại Nguyệt, hai tên là Trì Địa.

容貌端正，福德淳厚，智慧深遠，高才博識。

Dung mạo đoan chính, Phúc Đức thuần hậu, Trí tuệ thâm viễn, cao tài bác thức.

Dung mạo đoan chính, Phúc Đức thuần hậu, Trí tuệ thâm sâu, tài cao tri thức uyên bác.

恒以十善，化諸眾生。是時大月於夜睡眠，而作一夢。

Hằng dĩ Thập-thiện, hóa chư chúng sinh. Thị thời Đại-nguyệt ư dạ thụy miên, nhi tác nhất mộng.

Thường dùng 10 Nghiệp thiện giáo hóa chúng sinh. Lúc đó Đại Nguyệt trong đêm nằm ngủ, mà gặp giấc mộng.

王戴天冠變黑煙色，復有鬼來就王頭上，奪冠而去。

Vương đới Thiên-quan biến hắc yên sắc. Phục hữu Quỷ lai, tộ Vương đầu thượng đoạt quan nhi khứ.

Mũ Trời được Vương đội biến thành màu sắc khói đen. Lại có Quỷ tới gần sát trên đầu của Vương, đoạt lấy mũ mà ra đi.

作是夢已憂惶驚懼，恐有不祥而自思惟：

Tác thị mộng dĩ ưu hoàng kinh懼, khủng hữu bất tường nhi tự tư duy :

Giấc mộng đã xong sợ hãi kinh hoàng, có việc sợ hãi không biết rõ mà tự suy nghĩ là :

我王慈愍，惠施一切，求者不違。必有惡人來乞王頭。

Ngã Vương Từ mẫn, huệ Thí nhất thiết, cầu giả bất vi. Tất hữu ác nhân lai khất Vương đầu.

Vương của ta tâm từ thương xót, ân huệ Bố thí tất cả, người cầu xin không nghịch lại. Nhất định có người ác tới xin đầu của Vương.

作是念已，即用七寶造一寶頭。如有乞者，以此代之。

Tác thị niệm dĩ, tức dụng thất bảo, tạo nhất bảo đầu. Như hữu khất giả, dĩ thử đại chi.

Làm xong suy niệm đó, tức thời sử dụng 7 báu vật làm thành một chiếc đầu quý báu. Như có người xin, dùng nó thay thế.

時持地輔相亦作一夢。見月光身 四體分散。

Thời Trì-địa phụ tướng, diệc tác nhất mộng. Kiến Nguyệt-quang thân tứ thể phân tán.

Lúc đó Trì Địa phụ tướng cũng thấy một giấc mơ. Nhìn thấy thân của Nguyệt Quang phân thành 4 phần.

即召婆羅門，占夢凶吉。婆羅門曰：

Tức triệu Bà-la-môn, chiêm mộng hung cát. Bà-la-môn viết :

Tức thời triệu tập Bà La Môn xem mộng lành dữ. Bà La Môn nói rằng :

此夢甚惡，必有遠人來乞王頭。

Thử mộng thậm ác, tất hữu viễn nhân lai khất Vương đầu.

Mộng này rất ác, nhất định có người nơi xa tới xin đầu của Vương.

持地聞已，悲泣感傷。云何我王有斯大禍？

Trì-địa văn dĩ, bi khấp cảm thương. Vân hà ngã Vương hữu tư đại họa？

Trì Địa nghe xong, thương cảm rơi lệ. Vì sao Vương của ta có họa lớn đó？

爾時一萬二千五百親位大臣，俱作惡夢。幢幡倒地，金鼓不鳴。

Nhĩ thời nhất vạn nhị thiên ngũ bách thân vị đại thần, câu tác ác mộng. Trùng phan đảo địa, kim cổ bất minh.

Khi đó 1 vạn 2 nghìn 5 trăm vị đại thần thân tín, cùng đều thấy mộng ác. Cờ phan cắm lộn ngược xuống đất, trống vàng không kêu.

恩愛別離，悲啼哭泣。如是夢已共相議曰：

Ân ái biệt ly, bi đê khóc khấp. Như thị mộng dĩ, cộng tương nghị viết：

Ân ái biệt ly, thương khóc rơi lệ. Mộng xong như thế, cùng nhau tới bàn luận nói rằng：

王若不吉，一切眾生，誰為救濟？我等云何而得安穩？

Vương nhược bất cát nhất thiết chúng sinh thù vi cứu tế？ Ngã đẳng vân hà nhi đắc an ổn？

Vương nếu không được yên lành, tất cả chúng sinh ai là người cứu giúp？ Chúng ta làm sao mà được yên ổn？

時月光天子又告大臣：盡我壽命，施於眾生，不得間斷。

Thời Nguyệt-quang Thiên-tử hựu cáo đại thần：Tận Ngã thọ mệnh, Thí ư chúng sinh, bất đắc gián đoạn.

Lúc đó Nguyệt Quang Thiên Tử mới bảo đại thần：Thọ mệnh của ta đã hết, Bồ thí cho chúng sinh, không được gián đoạn.

爾時香醉山中有大婆羅門，名曰惡眼，聰明多智，善解技術。

Nhĩ thời Hương-túy sơn trung hữu Đại Bà-la-môn, danh viết Ác-nhãn, thông minh đa Trí, thiện giải kĩ thuật.

Khi đó trong núi Hương Túy có Đại Bà La Môn, tên là Ác Nhãn thông minh nhiều Trí tuệ thiện hiểu kĩ thuật.

知月光天子於城四門，大開施會，擊鼓宣令普告四方：

Tri Nguyệt-quang Thiên-tử ư thành tứ môn, đại khai Thí hội. Kích cổ tuyên linh, phổ cáo tứ phương：

Biết Nguyệt Quang Thiên Tử ở 4 cửa thành, mở hội Bồ thí lớn. Đánh trống đọc lệnh bố cáo khắp 4 phương：

求者供給，而無乏少。我今往彼，乞於王頭。

Cầu giả cung cấp nhi vô phạp thiếu. Ngã kim vãng bỉ, khát ư Vương đầu.

Cung cấp cho người cầu mà không thiếu. Tôi nay vãng tới nơi đó xin đầu của Vương.

作是語已，下香醉山。山有天人知婆羅門來乞王頭，悲痛傷歎：

Tác thị ngữ dĩ, hạ Hương-túy sơn. Sơn hữu Thiên nhân tri Bà-la-môn lai khát Vương đầu, bi thống thương thán：

Làm xong lời nói đó, xuống rời núi Hương Túy. Có người Trời của núi biết Bà La Môn tới xin đầu của Vương, bi thương đau xót than thở nói rằng：

苦哉，苦哉！此王心懷慈愍，利樂群生。如若命終，世間薄祐。

Khổ tai, khổ tai！Thử Vương tâm hoài Từ mẫn, lợi lạc quần sinh. Như nhược mệnh chung Thế gian bạc hựu.

Khổ thay, khổ thay！Vương này tâm từ thương nhớ, lợi ích yên vui chúng sinh. Nếu như bỏ mệnh Thế gian hết người giúp đỡ.

作是語時天地昏黑，日月不現，泉井枯乾，暴風卒起。

Tác thị ngữ thời Thiên địa hôn hắc, Nhật Nguyệt bất hiện, tuyền tỉnh khô kiệt, bạo phong tốt khởi.

Khi làm lời nói đó Trời đất tối đen, mặt Trời mặt Trăng không hiện ra, suối giếng khô cạn, gió mạnh thổi tới.

吹砂走石，樹木摧折，大地震動，有如是不祥之相。

Xuy sa tâu thạch, thụ mộc tòi chiết, Đại địa chấn động, hữu như thị bất tường chi tướng.

Cát bay đá chạy, cây lớn đổ gãy, Đất lớn chấn động, có cảnh không yên lành như thế.

去城不遠有一仙人。身具五通，名彌濕嚩弭怛囉，與五百眷屬。

Khứ thành bất viễn hữu nhất Tiên nhân. Thân cụ Ngũ-thông, danh Di-thấp-phược Nhị-đát-la, dữ ngũ bách quyên thuộc.

Tới thành không xa có một người Tiên. Thân đầy đủ 5 Thần thông, tên là Di-thấp-phược Nhị-đát-la cùng với 500 quyên thuộc.

常以慈愍護念眾生。見此徵祥，甚懷憂惱。告摩拏嚩迦曰：

Thường dĩ Từ mẫn hộ niệm chúng sinh. Kiến thử trung tường, thậm hoài ưu não. Cáo Ma-nã Phược-ca viết：

Thường dùng tâm Từ thương xót, nhớ trợ giúp chúng sinh. Nhìn thấy tường tận điềm này, rất lo âu ưu phiền. Bảo Ma-nã Phược-ca nói rằng：

必有災禍臨於民主。我等云何而為救護？

Tất hữu tai họa lâm ư dân chúa. Ngã đẳng vân hà nhi vi cứu hộ？

Nhất định có tai họa sắp tới Chúa của dân. Chúng ta là sao mà cứu giúp được？

虛空中緊那羅眾及諸天人，皆悉下淚，如降微雨。

Hư không trung Khẩn-na-la chúng cập chư Thiên-nhân, giai tất hạ lệ như giáng vi vũ.

Các Khẩn Na La ở trong khoảng không cùng với các người Trời, tất cả đều rơi lệ như giáng trận mưa nhỏ.

一切人民心懷驚怖。時惡眼婆羅門將欲至城。

Nhất thiết nhân dân tâm hoài kinh bố. Thời Ác-nhãn Bà-la-môn, tương dục chí thành.

Tất cả người dân tâm lo sợ kinh hoàng. Khi Ác Nhãn Bà La Môn sắp muốn tới thành.

護城天人詣月光天子前：今有惡人從香醉山來。

Hộ thành Thiên-nhân nghê Nguyệt-quang Thiên-tử tiền：Kim hữu ác nhân tòng Hương-túy sơn lai.

Người Trời bảo vệ thành tới trước Nguyệt Quang Thiên Tử：Nay người ác từ núi Hương Túy tới.

懷殺害心，欲乞王頭，不得聽之。宜保愛自身，固安聖體。

Hoài sát hại tâm, dục khát Vương đầu, bất đắc thính chi. Nghi bảo ái tự thân cố an Thánh thể.

Tâm muốn sát hại, muốn xin đầu của Vương, không được nghe theo. Tùy cơ bảo vệ bản thân yêu quý, cố yên lành thân Thánh.

王既聞已心生踊躍歎言：善哉！令我圓滿檀波羅蜜。

Wương ký văn dĩ tâm sinh dũng dục thán ngôn：Thiện tai！Linh Ngã viên mãn Đàn Ba-la-mật.

Vương đã nghe xong tâm sinh dũng mãnh khen nói rằng : Thiện thay ! Giúp Ta trọn vẹn Bồ thí tới Niết Bàn.

時惡眼婆羅門，即入王城。守門天人見婆羅門，神情醜惡。

Thời Ác-nhãn Bà-la-môn, tức nhập Vương thành. Thủ môn Thiên nhân kiến Bà-la-môn, Thần tình xú ác.

Lúc đó Ác Nhân Bà La Môn, tức thời đi vào trong thành. Người Trời coi cửa nhìn thấy Bà La Môn, Thần Tình xấu ác.

隔住門外，終不放入。時月光天子知彼來至，不放入城。

Cách trụ môn ngoại, chung bất phóng nhập. Thời Nguyệt-quang Thiên-tử tri bỉ lai chí, bất phóng nhập thành.

Ngăn ở lại ngoài cửa, cuối cùng không cho vào. Lúc đó Nguyệt Quang Thiên Tử biết họ tới nơi, không được tự do vào thành.

即告宰臣大月：有婆羅門，從香醉山來，欲見於我。

Tức cáo tể thần Đại-nguyệt : Hữu Bà-la-môn tòng Hương-túy sơn lai, dục kiến ư Ngã.

Tức thời báo tể phụ đại thần Đại Nguyệt : Có Bà La Môn từ núi Hương Túy tới muốn nhìn thấy Ta.

令彼門司不得障礙。大月受教，白守門天人：即令放入。

Linh bỉ môn tư bất đắc chướng ngại. Đại-nguyệt thụ giáo, bạch thủ môn Thiên-nhân : Tức linh phóng nhập.

Giúp họ vào cửa không được gây trở ngại. Đại Nguyệt nhận lời chỉ dạy, bạch người Trời coi cửa thành : Tức thì giúp đưa vào.

大月見已，問婆羅門曰：汝來至此，有何所求？

Đại-nguyệt kiến dĩ, vấn Bà-la-môn viết : Nhữ lai chí thử hữu hà sở cầu ?

Đại Nguyệt đã nhìn thấy, hỏi Bà La môn là : Ngài tới nơi này có việc gì cần cầu ?

婆羅門言：我聞月光天子慈愍有情，設大施會。

Bà-la-môn ngôn : Ngã văn Nguyệt-quang Thiên-tử từ mẫn Hữu-tình, thiết đại Thí hội.

Bà La Môn nói rằng : Tôi nghe Nguyệt Quang Thiên Tử tâm từ thương xót Có tình, làm hội Bồ thí lớn.

若有所求，一切無悞。今來至此，欲乞王頭。大月告言：

Nhược hữu sở cầu nhất thiết vô lạn. Kim lai chí thử dục khát Vương đầu. Đại-nguyệt cáo ngôn :

Nếu có mong cầu tất cả không tiếc. Nay tới nơi này muốn xin cái đầu của Vương. Đại Nguyệt nói rằng :

婆羅門 ! 王頭膿血所成，終歸爛壞。汝今乞得有何所用？

Bà-la-môn ! Vương đầu nùng huyết sở thành, chung quy lạn hoại. Nhữ kim khát đắc, hữu hà sở dụng ?

Bà La Môn ! Đầu của Vương do máu huyết tạo thành, cuối cùng trở về tan hoại. Ngài nay xin được có sử dụng được sao ?

我有七寶頭，復有種種金銀珍寶，俱奉施之，乃令子孫永得大富。



Ngã hữu thất bảo đầu, phục hữu chủng chủng kim ngân trân bảo, câu phụng Thí chi, nãi linh tử tôn vĩnh đắc đại phú.

Tôi có đầu bằng 7 vật báu, lại có đủ loại vàng bạc châu báu, đều kính dâng Bồ thí, mới giúp cho con cháu vĩnh viễn được giàu sang lớn.

婆羅門言：我本乞頭，非為珍寶。時二大臣，啼泣雨淚，悲痛憂惱。

Bà-la-môn ngôn : Ngã bản khát đầu, phi vị trân bảo. Thời nhị đại thần đê khắp vú lệ, bi thống ưu não.

Bà La Môn nói rằng : Tôi vốn chỉ xin đầu, không phải vì châu báu. Lúc đó hai đại thần khóc thương rơi lệ, bi thương ưu phiền.

我等云何得免斯害？時婆羅門即詣王前，見已頂禮，住立一面。

Ngã đẳng vân hà đắc miễn tư hại ? Thời Bà-la-môn tức nghê Vương tiền, kiến dĩ đỉnh lễ, trụ lập nhất diện.

Chúng ta làm gì miễn được sát hại đó ? Lúc đó Bà La Môn liền tới trước Vương, nhìn thấy đỉnh lễ xong, đứng ở một bên.

合掌白言：聞王慈愍普施一切。我今遠來，只乞王頭。

Hợp chưởng bạch ngôn : Văn Vương Từ mẫn phổ Thí nhất thiết. Ngã kim viễn lai, chỉ khát Vương đầu.

Chắp tay bạch nói rằng : Nghe Vương tâm từ thương xót Bồ thí tất cả. Tôi nay từ xa tới chỉ xin đầu của Vương.

願垂慈愍歡喜布施。而說偈言：

Nguyện thù Từ mẫn hoan hỷ Bồ-thí. Nhi thuyết kệ ngôn :

Nguyện rừ tâm từ thương xót vui mừng Bồ thí. Mà đọc bài kệ nói rằng :

菩薩志求無上智 安住最勝清淨法

Bồ-tát chí cầu Vô-thượng Trí. An trụ tối thắng Thanh tịnh Pháp.

Bồ Tát chí cầu Trí Bình Đẳng. Yên ở trong Pháp Tịnh tối cao.

願垂慈愍速捨頭 圓滿檀度波羅蜜

Nguyện thù Từ mẫn tốc xả đầu. Viên mãn Đàn-độ Ba-la-mật.

Nguyện rừ xót thương nhanh cho đầu. Trọn vẹn Bồ Thí tới Niết Bàn.

時月光天子即起合掌而說偈言：

Thời Nguyệt-quang Thiên-tử tức khởi hợp chưởng nhi thuyết kệ ngôn :

Lúc đó Nguyệt Quang Thiên Tử tức thì chắp tay mà đọc bài kệ nói rằng :

父母所生不淨身 汝求我頭歡喜捨

Phụ mẫu sở sinh bất tịnh thân. Nhữ cầu Ngã đầu hoan hỷ xả.

Thân được cha mẹ sinh không sạch. Ngài xin đầu tôi vui mừng cho.

滿爾本願稱心歸 令我速成菩提果

Mãn nhĩ bản nguyện xưng tâm quy. Linh Ngã tốc thành Bồ-đề quả.

Trọn vẹn bản nguyện nói tâm theo. Giúp tôi nhanh được quả Bồ Đề.

說此偈已白婆羅門言：勿嫌我頭，骨髓膿血，皮肉相連。

Thuyết thử kệ dĩ bạch Bà-la-môn ngôn : Vật hiềm Ngã đầu, cốt tủy nùng huyết, bì nhục tương liên.

Độc xong bài kệ này, bạch Bà La Môn nói rằng : Đùng nghi hoặc đầu của tôi, xương tủy máu huyết, da thịt liền nhau.

無有清淨而即施之，滿汝本願。

Vô hữu Thanh tịnh nhi tức Thí chi, mãn Nhữ bản nguyện.

Không có Thanh tịnh mà tức thời Bồ thí, trọn vẹn nguyện vốn có của Ngài.

時婆羅門，心大歡喜。王欲截頭即去頭冠。

Thời Bà-la-môn, tâm đại hoan hỷ. Vương dục tiết đầu tức khứ đầu quan.

Lúc đó Bà La Môn, tâm rất vui mừng. Vương muốn muốn cắt đầu tức thời bỏ mũ đội đầu.

是時南瞻部洲，一切頭冠悉皆落地，人各驚惶。

Thị thời Nam-thiệm-bộ châu, nhất thiết đầu quan tất giai lạc địa, nhân các kinh hoàng.

Khi đó châu Nam Thiệm Bộ, tất cả mũ đội đầu, đều rơi xuống đất hết, người từng kinh hoàng.

輔相二人，不忍見王捨棄身命。即於彼處，自盡其壽。

Phụ tướng nhị nhân, bất nhẫn kiến Vương xả khí thân mệnh. Tức ư bỉ xứ tự tận kỳ thọ.

Phụ tướng hai người, không nhẫn nhìn thấy Vương vứt bỏ thân mệnh. Tức thời ở nơi đó, tự kết thúc thọ mệnh của họ.

以善根力生大梵宮。時菩薩摩訶夜叉，於虛空中高聲唱言：

Dĩ thiện căn lực sinh Đại Phạm cung. Thời Bồ-ma Dạ-xoa ư hư không trung cao thanh xưng ngôn :

Do lực của Căn thiện sinh lên cung Đại Phạm. Lúc đó Bồ Ma Dạ Xoa ở trong khoảng không cao giọng ca lên rằng :

苦哉！天子今將命終。復有百千億人奔詣王宮。

Khổ tai ! Thiên Tử kim tương mệnh chung. Phục hữu bách thiên ức nhân bôn nghê Vương cung.

Khổ thay ! Thiên Tử nay sắp bỏ mệnh. Lại có trăm nghìn triệu người chạy tới cung của Vương.

啼泣下淚，傷愛別離。王即說法安慰，令發道心。

Đề khấp hạ lệ, thương ái biệt ly. Vương tức thuyết Pháp an úy, linh phát đạo tâm.

Khóc thương rơi lệ, thương yêu ly biệt. Vương tức thời nói Pháp an ủi giúp phát tâm Đạo.

婆羅門言：王若捨頭宜於淨處。

Bà-la-môn ngôn : Vương nhược xả đầu nghi ư Tịnh xứ.

Bà La Môn nói rằng : Vương nếu cho đầu thích hợp ở nơi Thanh tịnh.

王即告言：我有一苑，名摩尼寶藏，花果茂盛。

Wương tức cáo ngôn : Ngã hữu nhất uyển, danh Ma-ni Bảo-tạng, hoa quả mậu thịnh.

Wương liền nói rằng : Tôi có một khu vườn, tên là Ma Ni Bảo Tạng, hoa quả tốt tươi.

流泉浴池，種種莊嚴，最為第一。於斯捨頭，汝意云何？

Lưu tuyền dục trì, chủng chủng trang nghiêm, tối vi đệ nhất. Ư tư xả đầu Nhữ ý vân hà？

Suối giếng ao đầm, đủ loại trang nghiêm, là nơi tốt nhất. Ở đó cho đầu ý Ngài thế nào？

婆羅門言：宜速往彼。王即携劍，往彼苑中立瞻蔔樹下。

Bà-la-môn ngôn : Nghi tức vãng bỉ. Vương tức huê kiếm, vãng bỉ uyển trung lập Chiêm-bặc thụ hạ.

Bà La Môn nói rằng : Thích hợp nhanh chóng tới đó. Vương liền mang theo kiếm, vãng tới ở trong vườn đó đứng dưới cây Chiêm Bặc.

告婆羅門言 : 我今捨頭 , 汝來截之 !

Cáo Bà-la-môn ngôn : Ngã kim xả đầu Nhữ lai tiệt chi !

Bảo Bà La Môn nói rằng : Tôi nay cho đầu, Ngài tới cắt đi !

婆羅門曰 : 王不自斷 , 令我持刃 , 非布施行。

Bà-la-môn viết : Vương bất tự đoạn, linh Ngã trì nhận, phi Bồ-thí hành.

Bà La Môn nói rằng : Vương không tự cắt, để tôi cầm đao, không phải là hành vi Bồ thí.

時有護苑天人見是事已 , 悲泣涕淚告婆羅門曰 :

Thời hữu hộ uyển Thiên-nhân kiến thị sự dĩ, bi khấp thể lệ cáo Bà-la-môn viết :

Lúc đó có người Trời bảo vệ vườn đã nhìn thấy việc đó, khóc thương rơi lệ, bảo Bà La Môn nói rằng :

汝大惡人 ! 月光天子慈愍一切 , 普利群生。

Nhữ đại Ác nhân ! Nguyệt-quang Thiên-tử Từ mẫn nhất thiết, phổ lợi quần sinh.

Ngài là người đại ác ! Nguyệt Quang Thiên Tử tâm từ thương xót tất cả, lợi ích chúng sinh khắp nơi.

何以此處 , 害天子命 ? 王告天人 : 莫作是言 , 障礙勝事。

Hà dĩ thử xứ hại Thiên-tử mệnh ? Vương cáo Thiên nhân : Mạc tác thị ngôn, chướng ngại thắng sự.

Vì sao tới nơi này, lấy thân mệnh của Thiên Tử ? Vương bảo người Trời : Không làm lời nói đó, trở ngại việc tối cao.

我於過去無量生中為大國王 ; 於此苑內千度捨頭。

Ngã ư Quá-khứ vô lượng sinh trung vi đại Quốc-vương . Ư thử uyển nội thiên độ xả đầu.

Ta ở thời Quá khứ trong vô lượng sinh là Đại Quốc Vương. Ở trong vườn này qua nghìn lần cho đầu.

時諸天人皆無障礙。昔濟餓虎 , 捨身命等 , 超於慈氏四十劫。

Thời chư Thiên nhân giai vô chướng ngại. Tích tế nạ hổ xả thân mệnh đẳng, siêu ư Từ-thị tứ thập Kiếp.

Lúc đó các người Trời đều không còn trở ngại. Trước kia cứu tế hổ đói, bỏ các thân mệnh, vượt qua Từ Thị 40 Kiếp.

彼時天人亦不障礙。汝於今日 , 發隨喜心 , 當獲勝利。

Bỉ thời Thiên-nhân diệc bất chướng ngại. Nhữ ư kim nhật phát tùy hỷ tâm, đương hoạch thắng lợi.

Lúc đó người Trời cũng không còn trở ngại. Ngài do ngày nay phát tâm vui theo, đang thu được thắng lợi.

月光天子復告天龍八部一切賢聖 :

Nguyệt-quang Thiên-tử phục cáo Thiên Long Bát-bộ nhất thiết Hiền Thánh :

Nguyệt Quang Thiên Tử lại bảo Trời Rồng Bát bộ tất cả Hiền Thánh :

我今捨頭，不求輪王，不求生天，不求魔王。

Ngã kim xả đầu, bất cầu Luân-vương, bất cầu sinh Thiên, bất cầu Ma Vương.

Tôi nay cho đầu, không cầu làm Luân Vương, không cầu sinh lên Trời, không cầu làm Ma Vương.

不求帝釋，不求梵王，為求無上正等正覺。

Bất cầu Đế-thích, bất cầu Phạm-vương, vì cầu Vô-thượng Chính-đẳng Chính-giác.

Không cầu làm Ngọc Hoàng, Không cầu làm Phạm Vương, vì cầu Bình Đẳng Chính Đẳng Chính Giác.

令未受化者迴心受化，已受化者速得解脫。

Linh vị thụ hóa giả hồi tâm thụ hóa. Dĩ thụ hóa giả tốc đắc Giải-thoát.

Giúp người chưa nhận giáo hóa hồi tâm thụ nhận giáo hóa. Đã nhận được giáo hóa nhanh được Giải thoát.

得解脫者圓證寂滅，究竟彼岸。又願命終之後，舍利如白芥子。

Đắc Giải-thoát giả viên chứng Tịch-diệt, cứu cánh bỉ Ngạn. Hựu nguyện mệnh chung chi hậu, Xá-lợi như bạch giới tử.

Đã được Giải thoát chứng nghiệm trọn vẹn Vắng lặng, cuối cùng tới được Niết Bàn. Mới lại nguyện sau khi bỏ mệnh, Xá Lợi như hạt cải trắng.

於摩尼寶藏苑建一大塔，令一切眾生禮拜供養見聞隨喜。

Ư Ma-ni Bảo-tạng uyển, kiến nhất đại Tháp, linh nhất thiết chúng sinh, lễ bái cúng dường kiến văn tùy hỉ.

Ở trong vườn Ma Ni Bảo Tạng xây một Tháp lớn, giúp tất cả chúng sinh lễ bái cúng dường, nghe nhìn thấy vui theo.

命終之後，皆得生天，發菩提心，出生死界。

Mệnh chung chi hậu giai đắc sinh Thiên, phát Bồ-đề tâm xuất sinh tử giới.

Sau khi bỏ mệnh đều được sinh lên Trời, phát tâm Bồ Đề, ra khỏi Cõi sinh chết.

發是願已，婆羅門曰：

Phát thị nguyện dĩ, Bà-la-môn viết：

Phát nguyện đó xong, Bà La Môn nói rằng：

王捨內財，甚為稀有，於未來世速成佛道。

Vương xả nội tài, thậm vi hi hữu, ư Vị-lai thế tốc thành Phật đạo.

Vương cho tài vật bên trong, rất là hiếm có, ở đời Tương lai nhanh thành Đạo Phật.

作是語時，王以首髮繫無憂樹枝，即執利劍自斷其頭。

Tác thị ngữ thời, Vương dĩ thủ phát hệ Vô-ưu thụ chi, tức chấp lợi kiếm tự đoạn kỳ đầu.

Khi làm lời nói đó, Vương dùng tóc đầu quấn lên cây Vô Ưu, tức thời cầm kiếm sắc tự cắt đầu của Vương.

爾時三千大千世界六種振動。於虛空中天人讚言：

Nhĩ thời Tam-thiên Đại-thiên Thế giới lục chủng chấn động. Ư hư không trung Thiên-nhân tán ngôn：

Khi đó Ba nghìn Đại thiên Thế giới 6 loại chấn động. Ở trong khoảng không người Trời ca ngợi nói rằng :

善哉，善哉！今月光天子當得成佛。

Thiện tai, thiện tai ! Kim Nguyệt-quang Thiên-tử đương đắc thành Phật.

Thiện thay, thiện thay ! Nay Nguyệt Quang Thiên Tử đang được thành Phật.

復雨優鉢羅花，鉢納摩花，俱母那花，曼陀羅花，及沈香，栴香。

Phục vũ Ưu-bát-la hoa, Bát-nạp-ma hoa, Câu-mẫu-na hoa, Mạn-đà-la hoa, cập Trầm hương Mạt hương.

Lại rắc hoa Ưu bát la, hoa Bát nạp Ma, hoa Câu mẫu Na, hoa Mạn đà La, cùng với hương Trầm hương bột.

旃檀之香，種種供養。即以旃檀香木，焚燒遺體，收其舍利。

Chiên-đàn chi hương, chủng chủng cúng dường. Tức dĩ Chiên-đàn hương mộc, phân thiêu di thể, thu kỳ Xá-lợi.

Hương Chiên Đàn, đủ loại cúng dường. Tức thời dùng cây hương Chiên Đàn, đốt thiêu thân để lại, thu nhật Xá Lợi đó.

於摩尼苑及四衢路，各起一塔，恒時供養。

Ư Ma-ni uyển cập tứ cù lộ, các khởi nhất Tháp, hằng thời cúng dường.

Ở trong vườn Ma Ni cùng với ở ngã tư đường cái lớn, từng nơi khởi xây một Tháp, thời thường cúng dường.

現在未來一切眾生，於此苑中行住坐臥。

Hiện-tại Vị-lai nhất thiết chúng sinh ư thử uyển trung hành trụ tọa ngoạ.

Tất cả chúng sinh thời Hiện tại Tương lai, ở trong vườn này đi ở nằm ngồi.

及於塔前，瞻禮供養。命終之後，生六欲天，及梵天上。

Cập ư tháp tiền, chiêm lễ cúng dường. Mệnh chung chi hậu sinh Lục-dục Thiên, cập Phạm-Thiên thượng.

Cùng với ở trước Tháp, chiêm ngưỡng lễ bái cúng dường. Sau khi bỏ mệnh sinh lên Trời Cõi Dục tầng thứ 6, cùng với lên Cõi Trời Phạm.

爾時佛告諸苾芻：往昔月光天子者今我身是。

Nhĩ thời Phật cáo chư Bí-sô : Vãng tích Nguyệt-quang Thiên-tử giả kim Ngã thân thị.

Khi đó Phật bảo các Bí Sô : Nguyệt Quang Thiên Tử trước kia nay chính là thân của Ta.

大月持地二輔相者，今舍利弗，大目乾連是

Đại-nguyệt, Trì-địa nhị phụ tướng giả, kim Xá-lợi-phất, Đại Mục-kiền-liên thị.

Đại Nguyệt, Trì Địa hai phụ tướng, nay chính là là Xá Lợi Phất, Đại Mục Kiền Liên.

惡眼婆羅門者，今提婆達多是。由是因緣，先於佛前，而請入滅。

Ác-nhãn Bà-la-môn giả, kim Đề-bà Đạt-đa thị. Do thị Nhân-duyên, tiên ư Phật tiền nhi thỉnh Nhập-diệt.

Ác Nhân Bà La Môn, nay chính là Đề bà Đạt đa. Do Nhân duyên đó, lúc trước ở trước Phật mà xin nhập vào Niết Bàn.

時諸苾芻，聞佛所說，皆大歡喜，信受奉行禮佛而退。

Nguyệt Quang Bồ Tát Kinh

Thời chư Bí-sô văn Phật sở thuyết, giai đại hoan hỷ, tín thụ phụng hành, lễ Phật nhi thoái.  
Lúc đó các Bí Sô nghe được Phật nói, đều rất vui mừng, tin nhận cung kính thi hành, lễ Phật mà ra đi.

佛說月光菩薩經

Phật thuyết Nguyệt-quang Bồ-tát Kinh

Kinh Phật nói về Nguyệt Quang Bồ Tát.

=====

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tánh Trần Tiến Khanh & Nguyễn Hiền Trần Tiến Huyền

Phiên Âm. Phật Tử Bùi Đức Huệ dịch 8/2010.

=====